

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST
Ngày 10-4-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Minh Hằng

Bà Mai Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Duy Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số F H, tổ dân phố H, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: Thôn M, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Anh T; nơi cư trú: Số F H, tổ dân phố H, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/02/2025 và bản tự khai của nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày:

Năm 2004, chị và anh Nguyễn Anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, gia đình hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán Việt Nam. Có đăng ký kết hôn ngày 01 tháng 11 năm 2004, tại Ủy ban nhân dân phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng.

Quá trình chung sống, vợ chồng có thời gian đầu chung sống bình thường không có mâu thuẫn lớn. Thời gian về sau này vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm lối sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không khí gia đình căng thẳng, nặng nề. Từ tháng 6/2024 cho đến nay, chị N đã dọn về nhà ngoại sinh sống và đã sống ly thân, không còn quan hệ về tình cảm cũng như kinh tế. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình phân tích hòa giải nhưng không có kết quả. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Anh T để con cái không còn nhìn thấy cảnh bố mẹ thường xuyên cãi vã nhau và chị ổn định cuộc sống cá nhân.

- Về con chung: Chị xác nhận chị và anh Nguyễn Anh T có 02 con chung là Nguyễn Anh T1, sinh ngày 22/6/2005 và Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 05/3/2015. Hiện con Nguyễn Anh T1 đã thành niên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, chị N đồng ý giao con Nguyễn Thanh T2 cho anh T nuôi dưỡng đến khi con thành niên. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị N và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về tài sản chung: Chị Phạm Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Anh T đã có bản tự khai đề ngày 12/3/2025 thể hiện:

Năm 2004, anh và chị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, gia đình hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán Việt Nam. Có đăng ký kết hôn ngày 01 tháng 11 năm 2004, tại Ủy ban nhân dân phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống anh và chị N chung sống bình thường cho đến tháng 6/2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị N bỏ nhà về nhà ngoại sinh sống, cắt đứt mọi liên hệ với bố con anh. Từ đó đến nay anh và chị N đã sống ly thân, không còn quan hệ về tình cảm cũng như kinh tế. Đến nay, chị N có đơn xin ly hôn đơn phương anh, anh đồng ý ly hôn chị N và đề nghị Tòa án không hòa giải. Do đặc thù công việc nên anh T đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

- Về việc nuôi con: Anh Nguyễn Anh T xác nhận anh và chị N có 02 con chung là Nguyễn Anh T1, sinh ngày 22/6/2005 và Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 05/3/2015. Hiện con Nguyễn Anh T1 đã thành niên nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao con Nguyễn Thanh T2 cho anh trực tiếp nuôi đến khi thành niên. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị N; bị đơn anh Nguyễn Anh T vắng mặt nhưng đều đã có quan điểm giải quyết vụ án và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, Tòa án công bố lời khai của chị H và anh T3.

* Tòa án đã thu thập chứng cứ tại địa phương cũng như gia đình chị N, anh T thể hiện: Về nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm, lối sống.

Chính vì vậy vợ chồng luôn xảy ra va chạm cãi vã nhau. Từ tháng 6/2024 cho đến nay, chị N và anh T đã sống ly thân, không còn quan hệ về tình cảm cũng như kinh tế. Nay chị N có đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; về con chung: Chị N và anh T có 02 con chung là Nguyễn Anh T1, sinh ngày 22/6/2005 và Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 05/3/2015. Hiện con Nguyễn Anh T1 đã thành niên; con Nguyễn Thanh T2 từ thời điểm anh chị ly thân, cháu vẫn ở với anh T và được anh T nuôi dưỡng phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Trường hợp ly hôn, địa phương và gia đình đề nghị giao con chung Nguyễn Thanh T2 cho anh T nuôi dưỡng; về tài sản chung: Địa phương, cũng như gia đình không có ý kiến gì.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết từ giai đoạn thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu do đương sự cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập trên cơ sở tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các tài liệu do đương sự cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập trên cơ sở tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; b khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị định số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị N được ly hôn anh Nguyễn Anh T; về việc nuôi con: Giao con chung Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 05/3/2015 cho anh Nguyễn Anh T trực tiếp nuôi. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị N và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung: Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí: Chị Phạm Thị N phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng dân sự:

+ Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

[1] Đây là quan hệ pháp luật về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn anh Nguyễn Anh T cư trú tại địa bàn quận H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn:

[2] Nguyên đơn chị Phạm Thị N; bị đơn anh Nguyễn Anh T đều vắng mặt và có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự của Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Anh T được xác lập từ ngày 01 tháng 11 năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Quá trình chung sống chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Anh T có thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường và có 02 con chung. Đến tháng 6 năm 2024 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống. Chính vì vậy, từ tháng 6/2024 cho đến nay chị N và anh T đã sống ly thân không còn quan hệ về tình cảm, kinh tế. Nay chị N và anh T đều xác nhận không còn khả năng để vợ chồng đoàn tụ nên đều đồng ý ly hôn. Xét mâu thuẫn giữa chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị N.

[5] Về việc nuôi con: Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Anh T có 02 con chung là Nguyễn Anh T1, sinh ngày 22/6/2005 và Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 05/3/2015. Hiện con Nguyễn Anh T1 đã thành niên nên chị N và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; Hội đồng xét xử xét thấy: Việc nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con chung hai bên cha mẹ đều có tình cảm, quyền và trách nhiệm như nhau. Tuy nhiên, từ thời điểm tháng 6/2024 chị N và anh T ly thân cho đến nay cháu Nguyễn Thanh T2 vẫn ở với anh T và được anh T nuôi dưỡng, chăm sóc tốt. Hơn nữa cháu cũng có nguyện vọng được ở cùng anh T nuôi dưỡng, chăm sóc chu đáo. Mặt khác,

để đảm bảo sự ổn định về mặt tâm lý, sự phát triển về mọi mặt cũng như đảm bảo việc ổn định sự giáo dục, chăm sóc con. Vì vậy, áp dụng Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên: Giao con Nguyễn Thanh T2 cho anh Nguyễn Anh T nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với điều kiện thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về việc chia tài sản: Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí:

[7] Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Phạm Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị Phạm Thị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo:

[8] Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Anh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; b khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N được ly hôn anh Nguyễn Anh T.

2. Về việc nuôi con: Giao con chung Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 05/3/2015 cho anh Nguyễn Anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về việc chia tài sản: Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị N phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005743 ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Chị Phạm Thị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án:

Chị Phạm Thị N, anh Nguyễn Anh T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- UBND phường Đông Hải 1, quận Hải An, thành phố Hải Phòng (GCNKH số 143 ngày 01/11/2004);
- Dương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bích Phượng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bích Phượng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bích Phượng